HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /2023/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022;

Xét Tờ trình số 7410/TTr-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Hộ gia đình tại các xã, thôn (bản) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn (bản) đặc biệt khó khăn;

b) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), Hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hộ gia đình, nhóm hộ, tổ hợp tác tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn (bản) đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chế biến, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

b) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản trị chuỗi và phát triển thị trường;

c) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

d) Hỗ trợ vật tư nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ;

đ) Hỗ trợ xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất theo nhu cầu của thành viên tổ nhóm; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;

b) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

c) Hỗ trợ vật tư nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ;

d) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

đ) Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương;

e) Hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

g) Hỗ trợ xây dựng và quản lý dự án, phương án.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Mức hỗ trợ không quá 80% tổng chi phí cho một (01) dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí cho 01 dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn khó khăn và không quá 50% tổng chi phí cho 01 dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình. Cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không quá 05 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mức hỗ trợ không quá 95% tổng chi phí cho 01 dự án, phương án trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn (bản) đặc biệt khó khăn. Cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không quá 05 tỷ đồng/01 dự án, phương án.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thái Thanh Quý